HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG VÀ BIỂU THỨC NGỮ VI CỦA HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG

Chử Thị Bích

\*1

Tóm tắt: Hành động cho tặng thuộc nhóm cam kết, nhóm các hành động ngôn ngữ có đích ở lời là trách

nhiệm phải thực hiện hành động tương lai mà SP1 bị ràng buộc. Thực hiện cho tặng, người nói phải thực

hiện đồng thời một hành động bằng ngôn ngữ và một hành động vật lý trao vật cho tặng X cho người

nghe nhằm biểu lộ tình cảm, sự quan tâm, quý mến đối với người nghe. Biểu thức nói năng của hành

động cho tặng luôn là biểu thức ngữ vi tường minh (không có dạng nguyên cấp). Biểu thức ngữ vi cho

tặng tường minh thường có hai dạng: dạng đầy đủ gồm 4 thành tố (A - chủ thể thực hiện hành động cho

tặng; B - Động từ ngữ vi cho tặng; C - đối tượng tiếp nhận hành động cho tặng; D - Vật cho tặng) chiếm

79,5% và dạng tỉnh lược chiếm 20,5%. Thành tố không thể vắng mặt trong biểu thức ngữ vi cho tặng là

thành tố B - động từ ngữ vi cho tặng. Có khá nhiều động từ cho tặng, tuy nhiên ba động từ có tần số sử

dụng cao trong giao tiếp hàng ngày là cho, tặng, biếu. Việc sử dụng động từ nào để biểu thị hành động cho

tặng là tùy thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, quan hệ giữa người nói và người nghe và vật cho tặng. Vật

cho tặng rất phong phú. Để hành động cho tặng đạt hiệu quả giao tiếp, người nói cần cân nhắc, lựa chọn sao

cho vật cho tặng phù hợp từng hoàn cảnh giao tiếp, với lợi ích của người nghe.

Từ khóa : Hành động cho tặng; Cho tặng; biểu thức ng ữ vi.

Abstract: The act of giving is classified as a commissive speech act, whose illocutionary force is the obligation

to perform some future act to which Sp1 is bound. Executing the act of giving, the speaker A also has to

simultaneously perform a speech act and a physical act of transfering some object x to the listener C so as

to express emotion, care, love, amongst others, to the listener C. The performative expressions of the act of

giving are always explicit (without primary forms). Explicit performative expressions typically occur in

two versions: the full version with all 4 components (A – the agent (giver), B – the performative GIVE-type

predicates, C – the recipient, and D – the theme (given thing)), which account for 79.5% of our data, and the

eliptical version, accounting for 20.5%. The element that can never be omitted is the performative GIVE-type predicates, which are abundant in language in general, and in Vietnamese in particular. Among these

predicates, the Vietnamese cho, t ặng and bi ếu occur at the highest frequencies in daily communication, and

the choice of these predicates depends on, inter alia, the giving context, the interplay among the speaker and

the listener and the given object. To ensure communicative effectiveness and appropriateness, the speaker

needs to make a careful choice of which predicate to use.

Key words: Act of giving; GIVE-type predicates; Performative expression.